

SỰ PHÁT TRIỂN TRÍ TUỆ CỦA TRẺ MẪU GIÁO 5-6 TUỔI TRƯỜNG MẦM NON XUÂN PHÚ VÀ TRƯỜNG MẦM NON 8-3 THÀNH PHỐ HUẾ

INTELLECTUAL DEVELOPMENT OF PRESCHOOL CHILDREN OF 5-6 YEARS OLD AT XUAN PHU KINDERGARTEN AND 8-3 PRESCHOOL IN HUE CITY

Nguyễn Thị Nga¹, Đỗ Văn Nghĩa²

¹Trường Đại học Kỹ thuật Y - Dược Đà Nẵng; nthinga@dhktyduocdn.edu.vn

²Trường Cao đẳng Âu Lạc - Huế; dovanngiati1@gmail.com

Tóm tắt - Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, trí tuệ là một trong những yếu tố quan trọng và được nhiều ngành khoa học, nhà khoa học quan tâm nghiên cứu. Ngày nay, với sự phát triển mạnh mẽ của khoa học kỹ thuật, trí tuệ có vai trò quan trọng trong hoạt động của mỗi người. Chính vì vậy, bài viết tập trung nghiên cứu sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi Trường mầm non Xuân Phú và Trường mầm non 8-3 thành phố Huế, trên cơ sở đó đề xuất một số biện pháp tác động thúc đẩy sự phát triển trí tuệ cho trẻ mầm non, đồng thời chỉ ra rằng sự phối hợp cần thiết giữa nhà trường, gia đình và các cơ quan chức năng cùng chung tay tạo những điều kiện vật chất, tinh thần thiết yếu để nhà trường – lực lượng chủ chốt có thể thực hiện tốt và phát huy hiệu quả vai trò của mình trong việc giáo dục và phát triển trí tuệ của trẻ mầm non 5 đến 6 tuổi.

Từ khóa - Sự phát triển trí tuệ; trẻ mẫu giáo từ 5-6 tuổi; tại trường mầm non

Abstract - In the development history of human society, intelligence is one of the important factors and has interested many researchers as well as sciences and scientists. Nowadays, with the strong development of science and technology, intelligence plays an important role in the activities of each person. Therefore, the paper focuses on the intellectual development of preschool children of 5-6 years old at Xuan Phu kindergarten and 8-3 preschool in Hue City. Based on the results, the paper proposes some measures to promote the intellectual development of preschool children. At the same time, we point out that the school, the family and the competent agencies should work together to create essential physical and mental conditions for the school – the key force to perform well and effectively promote their role in the education and intellectual development of preschool children of 5 to 6.

Key words - Intellectual development; preschool children of 5-6 years old; preschool

1. Đặt vấn đề

Trong lịch sử phát triển của xã hội loài người, trí tuệ là một trong những yếu tố quan trọng và được nhiều ngành khoa học, nhà khoa học quan tâm nghiên cứu [1, tr12]. Trí tuệ giúp mỗi con người, xã hội loài người không ngừng phát triển và là chìa khóa để con người chinh phục thế giới, phục vụ cho sự tồn tại của con người [2, tr16]. Nhận thức được điều này, Đảng và Nhà nước ta đã coi “giáo dục là quốc sách hàng đầu” và đặt ra mục tiêu cụ thể cho từng cấp học, ngành học, trong đó, giáo dục mầm non (MN) được xác định: “*mục tiêu của giáo dục MN là giúp trẻ phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ bước vào lớp một*”. (Điều 22, Luật giáo dục năm 2005, được sửa đổi và bổ sung năm 2009) [3, tr40]. Đánh giá mức độ phát triển trí tuệ của con người nói chung và trẻ em tuổi mẫu giáo nói riêng là một việc làm phức tạp, khó khăn và đòi hỏi tính chuyên môn cao [4, tr32]. Trên thế giới, vấn đề trí tuệ và đo lường trí tuệ đã được nghiên cứu từ lâu trên cả bình diện lý luận cũng như trên thực tế [5, tr8]. Từ cuối thế kỷ XIX, F.Galton và M.Cattell đã đề xuất và xây dựng các trắc nghiệm tâm lý. Năm 1905, A.Binet và T.Simon đã xây dựng các trắc nghiệm trí tuệ cho trẻ em từ 3 đến 15 tuổi. Năm 1916, trắc nghiệm Binet – Simon (Pháp) được du nhập vào Mỹ và được chỉnh sửa thành trắc nghiệm Stanford – Binet, dùng để đo trí tuệ IQ (Intelligence Quotient) [4, tr35]. Các lý thuyết khác nhau về trí tuệ cũng đã được hình thành từ đầu thế kỷ XX (thuyết đơn nhân tố, hai nhân tố, đa nhân tố...) và đến nay vẫn còn tiếp tục phát triển [6, tr38].

Xuất phát từ những vấn đề trên đây, nhóm tác giả tập trung nghiên cứu “*Sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi Trường MN Xuân Phú và Trường MN 8-3 thành phố Huế.*”

2. Cơ sở lý thuyết

- Khái niệm trí tuệ

Theo tác giả D. Wechsler [4]: trí tuệ là khả năng tổng thể để hoạt động một cách có suy nghĩ, tư duy hợp lý, chế ngự được môi trường xung quanh.

- Phân loại

+ Trí tuệ được chia thành 3 nhóm chính [4]: Coi trí tuệ là khả năng hoạt động lao động và học tập của cá nhân, đồng nhất trí tuệ với năng lực tư duy trừu tượng của cá nhân, Trí tuệ là năng lực thích ứng tích cực của cá nhân.

+ Các mức độ trí tuệ theo tác giả D. Wechsler [4] có sáu mức độ cơ bản: Rất thông minh, thông minh, trung bình, tầm thường (khờ dại), kém, chậm khờ.

3. Tổ chức và phương pháp nghiên cứu

*Tổ chức nghiên cứu

- Đối tượng nghiên cứu: trẻ mẫu giáo từ 5-6 tuổi tại Trường MN Xuân Phú và Trường MN 8/3 Thành phố Huế.

- Tiêu chuẩn lựa chọn: Đối tượng đồng ý tham gia nghiên cứu.

- Tiêu chuẩn loại trừ: Đối tượng có thái độ không hợp tác hoặc không đồng ý tham gia nghiên cứu

*Phương pháp nghiên cứu

- Thiết kế nghiên cứu: Nghiên cứu mô tả cắt ngang

- Cỡ mẫu và phương pháp chọn mẫu:

+ Cỡ mẫu: Áp dụng công thức sau để tính cỡ mẫu

$$n = Z^2 \frac{p(1-p)}{1-\frac{\alpha}{2} d^2}$$

- Thay vào công thức ta tính được $n=100$
- + Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu ngẫu nhiên đơn, bằng cách dùng bảng số ngẫu nhiên để chọn. Cỡ mẫu nghiên cứu có được là 100 trẻ em của trường MN Xuân Phú và trường MN 8-3 thành phố Huế.
 - Kỹ thuật xử lý số liệu:
 - + Sử dụng thang đo trắc nghiệm Raven;
 - + Sử dụng tính điểm IQ theo D. Wechsler;
 - + Phỏng vấn với giáo viên phụ trách lớp;
 - + Sử dụng phần mềm SPSS để xử lý số liệu.
 - Biến số nghiên cứu:
 - + Biến phụ thuộc: Mức độ trí tuệ của trẻ mẫu giáo 5-6 tuổi;
 - + Biến độc lập: tuổi, giới tính, tình trạng kinh tế gia đình...
 - Kết quả nghiên cứu:
 - + Nghiên cứu cơ sở lý luận về sự phát triển trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi.
 - + Khảo sát thực trạng về mức độ phát triển trí tuệ phát triển trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi;
 - + Đề xuất biện pháp chăm sóc và giáo dục thúc đẩy sự phát triển trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi.

4. Kết quả nghiên cứu và bàn luận

Nhóm tác giả tiến hành nghiên cứu trẻ mẫu giáo của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế có kết quả như sau:

4.1. Đánh giá chung về “sự phát triển trí tuệ của trẻ mẫu giáo 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế”

Theo D. Wechsler, sự phát triển trí tuệ của trẻ chia thành 7 mức độ: ưu tú, rất thông minh, thông minh, trung bình, tầm thường, kém và chậm khờ. Số liệu ở Bảng 1 cho thấy, theo thang đo này trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế được phân bố ở tất cả các mức độ từ chậm khờ cho tới ưu tú, trong đó tập trung chủ yếu ở mức độ trung bình.

Bảng 1. Mức độ phát triển “trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi của hai trường MN Xuân Phú, và trường MN 8/3 thành phố Huế theo thang đo D.wechsler”

MỨC ĐỘ	IQ	Sự phát triển trí tuệ trẻ em tại hai trường MN			% dân số theo D. Wechsler
		Số lượng	Tỉ lệ %	Tỉ lệ hợp lệ	
Ưu tú	> 129	2	2	2	2,2
Rất thông minh	120 – 129	8	8	8	6,7
Thông minh	110 – 119	19	19	19	16,1
Trung bình	90 – 109	51	51	51	50,0
Tầm thường (khờ dại)	80 – 89	11	11	11	16,1
Kém	70 -79	6	6	6	6,7
Chậm khờ	< 70	3	3	3	2,2
Tổng		100	100	100	100

Nguồn: Từ kết quả khảo sát của nghiên cứu

Khi so sánh phân bố trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi tại hai trường MN với phân bố trí tuệ chuẩn trong dân cư theo

D. Wechsler từ bảng thì ta thấy có sự chênh lệch nhỏ. Do vậy, nhóm tác giả rút ra một số nhận định sau:

Thứ nhất, Bảng 1 cho ta thấy mức độ phát triển trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế theo thang đo D. Wechsler đạt được phân bố ở cả 7 mức độ và tương đối trùng khớp so với mức độ IQ được phân bố trong dân cư theo D. Wechsler. Kết quả này có thể cho thấy, sự phát triển trí tuệ của trẻ em trên địa bàn thành phố Huế là bình thường.

Thứ hai, khi so sánh từng mức độ phát triển phát triển trí tuệ của trẻ em 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế với phân bố chuẩn trong dân cư cho thấy có những chênh lệch nhất định. Trong 7 mức độ phát triển trí tuệ có 3 mức độ mà trẻ em hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế đạt thấp hơn so với tỉ lệ phần trăm trong dân số theo D. Wechsler đó là ưu tú (2% so với 2,2% trong dân số), tầm thường (10% so với 16,1% trong dân số) và kém (6% so với 6,7% trong dân số). Ở 4 mức độ còn lại cũng có sự chênh lệch tương tự: Rất thông minh (8% so với 6,7% trong dân số), thông minh (19% so với 16,1% trong dân số), trung bình (51% so với 50% trong dân số) và mức độ chậm (3% so với 2,2% trong dân số). Về cơ bản có thể nói đây là các chỉ số đáng mừng cho thực trạng về sự phát triển trí tuệ của trẻ em 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế. Tuy nhiên, gia đình, nhà trường và cơ quan chức năng cũng cần quan tâm đến các số liệu về những mức độ trí tuệ thấp (tầm thường, chậm khờ và kém) để có thể đưa ra những biện pháp giúp các em cải thiện sự phát triển trí tuệ của mình.

4.2. Mức độ phát triển “trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế” theo lát cắt giới tính

Trong 100 khách thể thực hiện trắc nghiệm có 43 trẻ em nam và 57 trẻ em nữ, kết quả phát triển trí tuệ sau khi tính theo công thức của D. Wechsler thu được ở Bảng 2.

Bảng 2. Tổng quan sự phát triển “trí tuệ của trẻ em 5 đến 6 tuổi của hai trường MN Xuân Phú, và trường MN 8/3 thành phố Huế” theo lát cắt giới tính

Giới tính	N	Điểm IQ thấp nhất	Điểm IQ cao nhất	Điểm IQ trung bình	Độ lệch chuẩn	Kiểm định t
Nam	43	70,49	135,99	100,42	14,587	0,24
Nữ	57	63,94	132,72	99,68	15,427	

Nguồn: Từ kết quả khảo sát của nghiên cứu

Nhìn một cách tổng quan, sự phát triển “trí tuệ của trẻ em 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế” theo lát cắt giới tính có sự chênh lệch không đáng kể.

Dựa vào Bảng 2 ta thấy, các giá trị điểm IQ cao nhất (Maximum), thấp nhất (Minimum) và giá trị trung bình (Mean) của trẻ em nam đều cao hơn so với trẻ em nữ, trong đó giá trị nhỏ nhất có sự chênh lệch nhiều hơn cả (nam hơn nữ 6,45 theo điểm IQ). Tuy nhiên, giá trị điểm IQ trung bình (mean) của trẻ em hai giới không có sự khác biệt nhiều (nam hơn nữ 0,74 theo điểm IQ). Kết quả kiểm định hai giá trị trung bình cũng cho thấy, không có sự khác biệt về sự phát

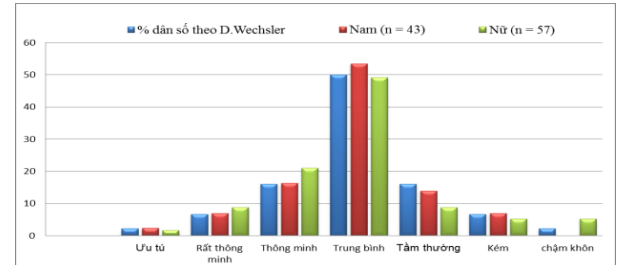
triển trí tuệ giữa trẻ em nam và trẻ em nữ ($t_{98} = 0,24$; $p > 0,05$). Nhóm tác giả tiến hành phân bố các mức độ phát triển trí tuệ của trẻ em nam và trẻ em nữ theo phân bố chuẩn, kết quả thu được ở Bảng 3 cùng với biểu đồ 2 như sau:

Bảng 3. Mức độ phát triển “trí tuệ của trẻ em 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế” theo lát cắt giới tính

Mức độ	% dân số theo D. Wechsler	Nam (n = 43)		Nữ (n = 57)	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Ưu tú	2,2	1	2,33	1	1,75
Rất thông minh	6,7	3	6,98	5	8,77
Thông minh	16,1	7	16,28	12	21,05
Trung bình	50,0	23	53,49	28	49,12
Tầm thường (khờ dại)	16,1	6	13,95	5	8,77
Kém	6,7	3	6,98	3	5,26
Chậm khôn	2,2	0	0	3	5,26
Tổng	100,0	43	100,0	57	100,0

Nguồn: Từ kết quả khảo sát của nghiên cứu

Qua Bảng 3 ta thấy, mức độ phát triển trí tuệ của trẻ em nam và trẻ em nữ so với bảng phân bố mức độ phát triển trí tuệ của D. Wechsler khá tương đồng nhau, trong đó có sự chênh lệch nhất định giữa các mức độ phát triển trí tuệ giữa từng nhóm trẻ với phân bố chuẩn.



Hình 1. Mức độ phát triển “trí tuệ của trẻ em 5 đến 6 tuổi của hai Trường MN Xuân Phú, và Trường MN 8/3 thành phố Huế” theo lát cắt giới tính

Qua Bảng 3 và Hình 1 nhóm tác giả rút ra một số vấn đề sau:

- Ở 4 mức độ phát triển trí tuệ cao nhất (ưu tú, rất thông minh, thông minh và trung bình), từng nhóm trẻ thuộc giới tính nam và nữ có xu hướng tốt hơn so với mức độ phát triển trí tuệ trong phần trăm dân số. Điển hình như mức độ trung bình nhóm trẻ em nam có 53,49% so với 50% trong phân bố dân cư, tương tự sự phát triển trí tuệ ở mức thông minh của nhóm trẻ em nữ là 21,05% so với 16,1% trong phân bố dân cư. Điều này cho thấy, mức độ phát triển trí tuệ của từng nhóm trẻ là khá tốt.
- Ở 3 mức độ phát triển trí tuệ thấp nhất (tầm thường, kém, chậm khôn), từng nhóm trẻ thuộc giới tính nam và nữ có xu hướng phân bố thấp hơn so với mức độ phát triển trí tuệ theo phần trăm dân số. Đáng chú ý nhóm trẻ giới tính nam không có trẻ em nào ở mức độ chậm khôn. Đây là các mức độ phát triển thấp, vì vậy khi đánh giá tỉ lệ sẽ tỉ lệ nghịch với phần trăm đạt được của nhóm trẻ, có nghĩa rằng sự phát triển IQ của từng nhóm trẻ là khá tốt.
- Giữa trẻ em nữ và trẻ em nam có sự đồng đều trong

phân bố mức độ phát triển trí tuệ. Mức độ phát triển trí tuệ trung bình có nhiều trẻ đạt được nhất ở cả 2 giới, chiếm khoảng 50% số trẻ được điều tra. Tuy nhiên, ở các mức độ có sự chênh lệch nhất định. Điểm nổi bật nhất của trẻ em nam chính là kết quả ở mức độ ưu tú (2,3% so với 2,2% phân bố trong dân cư và 1,75% nhóm trẻ em nữ).

4.3. Mức độ phát triển “trí tuệ của trẻ MN 5 đến 6 tuổi theo lát cắt trường MN”

Nhìn chung, sự phát triển trí tuệ của trẻ MN 5 đến 6 tuổi theo lát cắt trường MN khá tương đồng với nhau.

Bảng 4. Mức độ phát triển “trí tuệ của trẻ MN 5 đến 6 tuổi theo lát cắt trường MN”

Mức độ	% dân số theo D. Wechsler	Trường MN 8/3		Trường MN Xuân Phú	
		Số lượng	Tỉ lệ %	Số lượng	Tỉ lệ %
Ưu tú	2,2	2	4	0	0
Rất thông minh	6,7	3	6	5	10
Thông minh	16,1	11	22	8	16
Trung bình	50,0	25	50	26	52
Tầm thường (khờ dại)	16,1	4	8	7	14
Kém	6,7	3	6	3	6
Chậm khôn	2,2	2	4	1	2
Tổng	100,0	50	100,0	50	100,0

Nguồn: Từ kết quả khảo sát của nghiên cứu

Qua bảng số liệu và biểu đồ cho thấy:

Khi so sánh các mức độ của 2 trường với nhau ta thấy, Trường MN 8/3 có kết quả trội hơn so với Trường MN Xuân Phú ở các mức độ ưu tú (4% so với 0%), thông minh (22% so với 16%), và khờ dại (8% so với 14%); Ngược lại, ở các mức độ rất thông minh và chậm khôn các trẻ trường MN Xuân Phú đạt kết quả tốt hơn trẻ trường MN 8/3; Các mức độ phát triển trí tuệ còn lại ở trẻ em hai trường không có sự chênh lệch đáng kể.

Theo nhóm tác giả, thực trạng trên xuất phát từ những lí do sau:

Thứ nhất: Có thể nói rằng, quá trình dạy học nói riêng và toàn bộ quá trình giáo dục nói chung là con đường chủ đạo cho sự phát triển nhân cách của con người cũng như của sự phát triển trí tuệ; vì vậy, vấn đề giáo dục đã và đang được xem là quốc sách hàng đầu của Đảng và Nhà nước ta. Ngành giáo dục MN trong những năm gần đây luôn được quan tâm đổi mới, trong đó nguyên tắc giáo dục “*lấy trẻ làm trung tâm, phát huy tính tích cực tự giác của trẻ*”, “*giáo dục trong sức*” và “*giáo dục đồng tâm*” được xem là kim chỉ nam cho hoạt động của mỗi nhà trường MN, mỗi giáo viên phụ trách nhóm lớp. Ở cả hai trường chúng tôi chọn nghiên cứu cũng đã và đang thực hiện công tác giáo dục của mình theo phương châm trên, điều này thể hiện ở chủ trương của nhà trường, cũng như kế hoạch lên lớp và quá trình thực hiện của giáo viên phụ trách các nhóm lớp có trẻ thuộc nhóm nghiên cứu.

Thứ hai: Về đội ngũ cán bộ nhân viên trong nhà trường: khi về tìm hiểu và thu thập thông tin về đội ngũ cán bộ giáo viên trong nhà trường, chúng tôi thấy cả 2 nhà trường đều có tỉ lệ giáo viên đạt chuẩn và trên chuẩn. Trao đổi với cô NTNQ Hiệu trưởng Trường MN 8/3 và cô TTTV Hiệu trưởng Trường MN Xuân Phú, nhóm tác giả được biết hằng năm nhà trường luôn tổ chức các cuộc thi giáo viên dạy

giỏi trong nhà trường để tìm ra những nhân tố cử đi đại diện nhà trường tham dự các cuộc thi dạy giỏi cấp thành phố, cấp tỉnh; Đồng thời, ban giám hiệu nhà trường cũng thường xuyên đi dự giờ việc tổ chức hoạt động cho trẻ của giáo viên ở các nhóm lớp... các hoạt động này khuyến khích giáo viên trong nhà trường không ngừng tự rèn luyện, nâng cao trình độ chuyên môn tay nghề của mình. Cụ thể, nhóm tác giả có dự giờ của giáo viên về hoạt động học tập có chủ đích với chủ đề giao thông và nghề nghiệp.

Thứ ba: Về quá trình thực hiện các hoạt động cho trẻ tại trường MN, nhóm tác giả nhận thấy, ở trường 8/3 nhóm lớp A2 do cô TTCT và HTAN phụ trách, trong kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ theo từng tháng, các cô thực hiện các chuyên đề: Giáo dục lễ giáo, làm quen với toán, giáo dục âm nhạc, dinh dưỡng và an toàn thực phẩm, giáo dục thể chất... Đây là các chủ đề xoay quanh 5 nhiệm vụ phát triển toàn diện cho trẻ (giáo dục thể chất, giáo dục nhận thức, giáo dục đạo đức, giáo dục thẩm mỹ và giáo dục lao động); như vậy, trong kế hoạch chăm sóc và giáo dục trẻ ở nhóm lớp A2, trường MN 8/3 đã thực hiện nghiêm túc theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo. Ngoài ra, các giáo viên cũng xác định ứng dụng công nghệ thông tin, sử dụng đồ dùng đồ chơi an toàn, gần gũi để nâng cao hiệu quả chăm sóc giáo dục trẻ. Các phương pháp giáo dục chính thường được giáo viên sử dụng gồm có: Phương pháp trực quan; Phương pháp thực hành, trải nghiệm; Phương pháp dùng lời; Phương pháp tạo tình huống... Cụ thể, qua quá trình dự giờ, nghiên cứu sổ ghi chép và đàm thoại trực tiếp với giáo viên, nhóm tác giả cũng tìm thấy sự tương đồng về xác định mục tiêu, xây dựng nội dung, lựa chọn phương pháp... khi thực hiện quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ ở các giáo viên phụ trách nhóm lớp A của Trường MN Xuân Phú so với Trường MN 8/3.

Như vậy, mức độ phát triển trí tuệ của trẻ ở hai trường MN hiện nay tương đối tốt, sự chênh lệch giữa hai trường cũng không có ý nghĩa. Tuy nhiên, có một số trường hợp trẻ em có mức độ phát triển trí tuệ chưa cao. Vì vậy, ban giám hiệu, giáo viên phụ trách nhóm lớp cần chú ý tìm hiểu, có biện pháp phối hợp với gia đình để hoàn thiện hơn cho các em.

5. Biện pháp tác động

5.1. Đối với lãnh đạo Trường MN 8/3 và Trường MN Xuân Phú

- Thực hiện tốt vai trò làm cầu nối giữa cơ quan, ban ngành liên quan – nhà trường – gia đình trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Thực hiện nghiêm túc các hướng dẫn, quy định của Bộ, Sở, Phòng Giáo dục và Đào tạo trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc giáo viên xây dựng và thực hiện hiệu quả các thành tố của quá trình giáo dục (mục đích, nội dung, phương pháp, phương tiện).

- Tổ chức các buổi ngoại khóa cho trẻ một cách đa dạng, phong phú và hiệu quả hơn.

- Tạo điều kiện cho giáo viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ về việc chăm sóc, đánh giá và phát triển trí

tuệ cho trẻ.

- Không ngừng hoàn thiện cơ sở vật chất trong nhà trường, đặc biệt trú trọng hoàn thiện hệ thống đồ dùng đồ chơi phát triển trí tuệ cho trẻ.

5.2. Đối với giáo viên trường MN 8/3 và trường MN Xuân Phú

- Ý thức đúng quyền lợi, nghĩa vụ trong việc chăm sóc và giáo dục trẻ.

- Không ngừng học hỏi nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ, tìm hiểu đặc điểm tâm lý của nhóm trẻ nói chung và của từng trẻ trong lớp nói riêng để có phương pháp chăm sóc và giáo dục hiệu quả.

- Thực hiện tốt vai trò cầu nối giữa nhà trường và gia đình trong quá trình chăm sóc và giáo dục trẻ nói chung và trong việc phát triển trí tuệ cho các em nói riêng.

5.3. Đối với các bậc phụ huynh

- Cho con đi học đúng độ tuổi.

- Tìm hiểu đặc điểm tâm sinh lý, phối hợp với giáo viên, nhà trường trong việc đánh giá sự phát triển trí tuệ của con em mình để có biện pháp thúc đẩy phù hợp.

- Quan tâm, đảm bảo đến chế độ dinh dưỡng của trẻ một cách khoa học để trẻ có thể phát triển khỏe mạnh tạo điều kiện cho sự phát triển trí tuệ.

- Chủ động tìm hiểu các phương pháp nuôi dạy trẻ khoa học, phù hợp điều kiện thực tế của gia đình và nhà trường.

6. Kết luận

Trí tuệ của trẻ em 5 đến 6 tuổi trên địa bàn thành phố Huế phát triển ở mức bình thường khi so sánh với chuẩn phân bố trong phần trăm dân số của D. Wechsler. Tuy nhiên, có một số trẻ đạt mức phát triển trí tuệ chưa cao, điều này đòi hỏi nhà trường và gia đình (lực lượng chủ chốt trong nuôi dạy trẻ) cần quan tâm chú ý và có biện pháp tác động phù hợp với các em.

Qua nghiên cứu cũng cho thấy, sự liên kết gia đình – nhà trường – xã hội đã mang lại những tác động tích cực đối với sự phát triển nhân cách của trẻ nói chung và sự phát triển trí tuệ nói riêng. Nhà trường, gia đình và các cơ quan chức năng cùng chung tay tạo những điều kiện vật chất thiết yếu để nhà trường – lực lượng chủ chốt có thể thực hiện tốt và phát huy hiệu quả vai trò của mình trong việc phát triển trí tuệ của trẻ 5 đến 6 tuổi.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Huỳnh Văn Chấn, *Nghiên cứu mức độ phát triển trí tuệ của học sinh lớp 6 thị xã Bến Tre*, Luận văn Thạc sĩ ngành Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm thành phố Hồ Chí Minh, 2006.
- [2] Võ Mai Chi, *Nhà sáng chế tí hon*, NXB Trẻ, 2006.
- [3] *Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật giáo dục*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế Quốc dân, 2009.
- [4] Lê Minh Hà, *Nghiên cứu mức độ phát triển trí tuệ và thể lực của trẻ mẫu giáo 5 đến 6 tuổi*, Luận án Tiến sĩ ngành Tâm lý học, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, 2002.
- [5] Ngô Công Hoàn, *Tâm lý học trẻ em (từ lọt lòng đến 6 tuổi)*, tập 1 & 2, NXB Đại học Sư phạm, 1995.
- [6] Nguyễn Thị Hòa, *Giáo trình Giáo dục học mầm non*, NXB Đại học Sư phạm, 2009.